

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂM NHÌN

MST: 0304763878

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ III

--- 2012 ---

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂM NHÌN

MỤC LỤC

	Trang
Bảng Cân Đối Kế Toán	01-07
Báo Cáo Kết Quả Hoạt Động Kinh Doanh	08
Báo Cáo Lưu Chuyển Tiền Tệ	09-10
Báo Cáo Tình Hình Biến Động Vốn Chủ Sở Hữu	11
Thuyết Minh Báo Cáo Tài Chính	12-19



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂM NHÌN

Địa chỉ: Tầng 9, 72 Lê Thánh Tôn, Quận 1, TPHCM

Điện thoại: 08 3914 7027 Fax: 08 3914 7020

(Ban hành theo T.Tư số 95/2008 /TT -BTC
ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính)
Sửa đổi theo Thông tư số 162/2010 /TT -BTC
ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2012

Đơn vị tính: VNĐ

<i>TÀI SẢN</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		21.787.537.963	11.986.551.759
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<i>110</i>	<i>V.01</i>	<i>15.758.672.413</i>	<i>10.249.522.433</i>
1. Tiền	111		15.758.672.413	10.249.522.433
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	<i>120</i>		<i>-</i>	<i>-</i>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	<i>130</i>	<i>V.09</i>	<i>2.388.213.703</i>	<i>41.679.494</i>
1. Phải thu của khách hàng	131		-	-
2. Trả trước cho người bán	132		42.669.494	41.679.494
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138		2.345.544.209	-
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi(*)	139		-	-
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	<i>140</i>		<i>-</i>	<i>-</i>
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	<i>150</i>		<i>3.640.651.847</i>	<i>1.695.349.832</i>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	<i>V.02</i>	209.651.847	1.402.446.602
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154	<i>V.07</i>	-	134.297.432
4. Giao dịch mua bán lại Trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	<i>V.02</i>	3.431.000.000	158.605.798
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		1.151.327.635	2.998.371.414
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	<i>210</i>		<i>-</i>	<i>-</i>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂM NHÌN

Địa chỉ: Tầng 9, 72 Lê Thánh Tôn, Quận 1, TPHCM

Điện thoại: 08 3914 7027 Fax: 08 3914 7020

(Ban hành theo T.Tư số 95/2008 /TT -BTC
ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính)Sửa đổi theo Thông tư số 162/2010 /TT -BTC
ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2012

Đơn vị tính: VND

<i>TÀI SẢN</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
II. Tài sản cố định	220		850.323.389	1.241.668.940
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.04	674.467.015	921.192.937
- Nguyên giá	222		2.341.905.772	2.341.905.772
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(1.667.438.757)	(1.420.712.835)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.05	175.856.374	320.476.003
- Nguyên giá	228		967.502.000	967.502.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(791.645.626)	(647.025.997)
4. Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang	230			
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư chứng khoán dài hạn	253		-	-
- Chứng khoán sẵn sàng để bán	254		-	-
- Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
4. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
5. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		301.004.246	1.756.702.474
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.06	64.623.246	1.056.821.474
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263	V.08	236.381.000	236.381.000
4. Tài sản dài hạn khác	268	V.06	-	463.500.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		22.938.865.598	14.984.923.173

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TẦM NHÌN

Địa chỉ: Tầng 9, 72 Lê Thánh Tôn, Quận 1, TPHCM

Điện thoại: 08 3914 7027 Fax: 08 3914 7020

(Ban hành theo T.Tư số 95/2008 /TT -BTC
ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính)
Sửa đổi theo Thông tư số 162/2010 /TT -BTC
ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2012

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		319.577.004	783.764.986
I. Nợ ngắn hạn	310		293.990.754	687.317.236
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312		-	-
3. Người mua trả tiền trước	313		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.07	110.413.492	55.492.530
5. Phải trả người lao động	315		-	-
6. Chi phí phải trả	316	V.10	65.940.140	480.750.695
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.11	117.627.122	144.115.502
9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	V.12	-	85.389
10. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		10.000	6.873.120
11. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	322		-	-
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		-	-
13. Giao dịch mua bán lại Trái phiếu Chính phủ	327		-	-
14. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328		-	-
15. Dự phòng phải trả ngắn hạn	329		-	-
II. Nợ dài hạn	330		25.586.250	96.447.750
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		25.586.250	96.447.750
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
10. Dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	359		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂM NHÌN

Địa chỉ: Tầng 9, 72 Lê Thánh Tôn, Quận 1, TP HCM

Điện thoại: 08 3914 7027 Fax: 08 3914 7020

(Ban hành theo T.Tư số 95/2008 /TT -BTC
ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính)Sửa đổi theo Thông tư số 162/2010 /TT -BTC
ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2012

Đơn vị tính: VND

<i>NGUỒN VỐN</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		22.619.288.594	14.201.158.187
<i>I. Vốn chủ sở hữu</i>	<i>410</i>	<i>V.13</i>	<i>22.619.288.594</i>	<i>14.201.158.187</i>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		75.538.460.000	60.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(52.919.171.406)	(45.798.841.813)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+430)	440		22.938.865.598	14.984.923.173

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2012

Đơn vị tính: VND

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Mã số</i>	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A	B	1	2
1. Tài sản cố định thuê ngoài	001		
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002		
3. Tài sản nhận ký cược	003		
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004		
5. Ngoại tệ các loại	005		
6. Chứng khoán lưu ký	006	385.950.000	638.960.000
Trong đó:			
<i>6.1. Chứng khoán giao dịch</i>	<i>007</i>	<i>385.950.000</i>	<i>638.960.000</i>
6.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008		
6.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009	385.950.000	638.960.000
6.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010		
6.1.4. Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác	011		
<i>6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch</i>	<i>012</i>		
6.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	013		
6.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014		
6.2.3. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài	015		
6.2.4. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của tổ chức khác	016		
<i>6.3. Chứng khoán cầm cố</i>	<i>017</i>		
6.3.1. Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký	018		
6.3.2. Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	019		
6.3.3. Chứng khoán cầm cố của khách hàng nước ngoài	020		
6.3.4. Chứng khoán cầm cố của tổ chức khác	021		
<i>6.4. Chứng khoán tạm giữ</i>	<i>022</i>		
6.4.1. Chứng khoán tạm giữ của thành viên lưu ký	023		
6.4.2. Chứng khoán tạm giữ của khách hàng trong nước	024		
6.4.3. Chứng khoán tạm giữ của khách hàng nước ngoài	025		
6.4.4. Chứng khoán tạm giữ của tổ chức khác	026		
<i>6.5. Chứng khoán chờ thanh toán</i>	<i>027</i>		
6.5.1. Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	028		
6.5.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029		
6.5.3. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	030		
6.5.4. Chứng khoán chờ thanh toán của tổ chức khác	031		

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2012

Đơn vị tính: VND

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Mã số</i>	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A	B	1	2
<i>6.6. Chứng khoán phong toả chờ rút</i>	032		
6.6.1. Chứng khoán phong toả chờ rút của thành viên lưu ký	033		
6.6.2. Chứng khoán phong toả chờ rút của khách hàng trong nước	034		
6.6.3. Chứng khoán phong toả chờ rút của khách hàng nước ngoài	035		
6.6.4. Chứng khoán phong toả chờ rút của tổ chức khác	036		
<i>6.7. Chứng khoán chờ giao dịch</i>	037		
6.7.1. Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	038		
6.7.2. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039		
6.7.3. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài	040		
6.7.4. Chứng khoán chờ giao dịch của tổ chức khác	041		
<i>6.8. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay</i>	042		
6.8.1. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của thành viên lưu ký	043		
6.8.2. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của khách hàng trong nước	044		
6.8.3. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của khách hàng nước ngoài	045		
6.8.4. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của tổ chức khác	046		
<i>6.9 Chứng khoán sửa lỗi giao dịch</i>	047		
7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	050		
Trong đó:			
<i>7.1. Chứng khoán giao dịch</i>	051		
7.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	052		
7.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	053		
7.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	054		
7.1.4. Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác	055		
<i>7.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch</i>	056		
7.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	057		
7.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	058		
7.2.3. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài	059		
7.2.4. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của tổ chức khác	060		

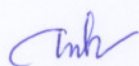
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2012

Đơn vị tính: VNĐ

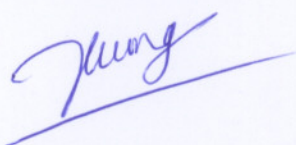
<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Mã số</i>	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
A	B	1	2
7.3. Chứng khoán cầm cố	061		
7.3.1. Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký	062		
7.3.2. Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	063		
7.3.3. Chứng khoán cầm cố của khách hàng nước ngoài	064		
7.3.4. Chứng khoán cầm cố của tổ chức khác	065		
7.4. Chứng khoán tạm giữ	066		
7.4.1. Chứng khoán tạm giữ của thành viên lưu ký	067		
7.4.2. Chứng khoán tạm giữ của khách hàng trong nước	068		
7.4.3. Chứng khoán tạm giữ của khách hàng nước ngoài	069		
7.4.4. Chứng khoán tạm giữ của tổ chức khác	070		
7.5. Chứng khoán chờ thanh toán	071		
7.5.1. Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	072		
7.5.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	073		
7.5.3. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	074		
7.5.4. Chứng khoán chờ thanh toán của tổ chức khác	075		
7.6. Chứng khoán phong toả chờ rút	076		
7.6.1. Chứng khoán phong toả chờ rút của thành viên lưu ký	077		
7.6.2. Chứng khoán phong toả chờ rút của khách hàng trong nước	078		
7.6.3. Chứng khoán phong toả chờ rút của khách hàng nước ngoài	079		
7.6.4. Chứng khoán phong toả chờ rút của tổ chức khác	080		
7.7. Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	081		
8. Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng	082		
9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	083		
10. Chứng khoán nhận uỷ thác đầu giá	084		

Người lập biểu



TRẦN THỊ SƯƠNG NGUYỆT ÁNH

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ HOÀI ÂN

Ngày 09 tháng 10 năm 2012

Tổng Giám đốc



HOÀNG QUỐC HÙNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂM NHÌN

Địa chỉ: Tầng 9, 72 Lê Thánh Tôn, Quận 1, TPHCM

Điện thoại: 08 3914 7027 Fax: 08 3914 7020

(Ban hành theo T.Tư số 95/2008 /TT -BTC

ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính)

Sửa đổi theo Thông tư số 162/2010 /TT -BTC

ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý III năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu	01		172.783.342	1.042.195.185	1.352.410.223	1.759.099.348
<i>Trong đó:</i>						
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		154.695.585	976.393.788	1.018.164.449	1.670.558.006
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		-	-	-	-
- Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	01.3		-	-	-	-
- Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	01.4		-	-	-	-
- Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		-	-	-	-
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		-	-	-	-
- Doanh thu hoạt động uỷ thác đầu giá	01.7		-	-	-	-
- Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	01.8		-	-	-	-
- Doanh thu khác	01.9		18.087.757	65.801.397	334.245.774	88.541.342
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)	10		172.783.342	1.042.195.185	1.352.410.223	1.759.099.348
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11		552.097.995	772.832.371	1.917.194.379	2.044.105.379
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)	20		(379.314.653)	269.362.814	(564.784.156)	(285.006.031)
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.072.406.563	2.319.824.568	6.630.683.832	7.026.103.166
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20- 25)	30		(2.451.721.216)	(2.050.461.754)	(7.195.467.988)	(7.311.109.197)
8. Thu nhập khác	31		238.216	-	75.138.395	67.246.075
9. Chi phí khác	32		-	-	-	91.035.757
10. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		238.216	-	75.138.395	(23.789.682)
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(2.451.483.000)	(2.050.461.754)	(7.120.329.593)	(7.334.898.879)
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-	-	-
13. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
14. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		(2.451.483.000)	(2.050.461.754)	(7.120.329.593)	(7.334.898.879)
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		(409)	(342)	(1.187)	(1.467)

Người lập

Ánh

TRẦN THỊ SƯƠNG NGUYỆT ÁNH

Kế toán trưởng

Hoài Ân

NGUYỄN THỊ HOÀI ÂN



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂM NHÌN

Địa chỉ: Tầng 9, 72 Lê Thánh Tôn, Quận 1, TPHCM

Điện thoại: 08 3914 7027 Fax: 08 3914 7020

(Ban hành theo T.Tư số 95/2008 /TT -BTC
ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính
Sửa đổi theo Thông tư số 162/2010 /TT -BTC
ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Quý III năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu được từ hoạt động kinh doanh	01		153.011.001	1.628.845.409
2. Tiền chi hoạt động kinh doanh	02		(905.498.464)	(1.206.095.748)
3. Tiền chi nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	03			
4. Tiền thu giao dịch chứng khoán khách hàng	04		4.353.047.624	10.620.701.237
5. Tiền chi trả giao dịch chứng khoán khách hàng	05		(3.494.725.776)	(10.627.602.878)
6. Tiền thu bán chứng khoán phát hành	06			
7. Tiền chi trả tổ chức phát hành chứng khoán	07			
8. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	08		(2.316.847.604)	(3.134.140.450)
9. Tiền chi trả cho người lao động	09		(3.160.660.191)	(3.494.400.162)
10. Tiền chi trả lãi vay	10			
11. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	11			
12. Tiền thu khác	12		2.772.072.533	6.819.986.258
13. Tiền chi khác	13		(7.763.954.917)	(9.527.584.467)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		(10.363.555.794)	(8.920.290.801)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21			(95.222.727)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			10.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		334.245.774	88.541.342
<i>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</i>	30		334.245.774	3.318.615

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂM NHÌN

Địa chỉ: Tầng 9, 72 Lê Thánh Tôn, Quận 1, TPHCM

Điện thoại: 08 3914 7027 Fax: 08 3914 7020

(Ban hành theo T.Tư số 95/2008 /TT -BTC
ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính
Sửa đổi theo Thông tư số 162/2010 /TT -BTC
ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính)**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Quý III năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		15.538.460.000	15.000.000.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33			
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34			
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>15.538.460.000</i>	<i>15.000.000.000</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</i>	<i>50</i>		<i>5.509.149.980</i>	<i>6.083.027.814</i>
<i>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</i>	<i>60</i>		<i>10.249.522.433</i>	<i>5.824.198.276</i>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
<i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</i>	<i>70</i>		<i>15.758.672.413</i>	<i>11.907.226.090</i>

Ngày 09 tháng 10 năm 2012

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



TRẦN THỊ SƯƠNG NGUYỆT ÁNH

NGUYỄN THỊ HOÀI ÂN

HOÀNG QUỐC HÙNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂM NHÌN

Địa chỉ: Tầng 9, 72 Lê Thánh Tôn, Quận 1, TPHCM

Điện thoại: 08 3914 7027 Fax: 08 3914 7020

(Ban hành theo T.Tư số 95/2008 /TT -BTC
ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính)
Sửa đổi theo Thông tư số 162/2010 /TT -BTC
ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**
Quý III năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU - 9 tháng	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/ giảm lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ				Số dư cuối kỳ	
		Năm nay	Năm trước	Năm nay		Năm trước		Năm nay	Năm trước
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
1.Vốn đầu tư của CSH		60.000.000.000	45.000.000.000	15.538.460.000		15.000.000.000		75.538.460.000	60.000.000.000
2.Thặng dư vốn cổ phần									
3.Vốn khác của CSH									
4. Cổ Phiếu quỹ (*)									
5.Chênh lệch đánh giá lại TS									
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái									
7. Quỹ đầu tư phát triển									
8.Quỹ dự phòng TC									
9.Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu									
10.Lợi nhuận chưa phân phối		(45.798.841.813)	(36.162.440.033)		7.120.329.593		7.334.898.879	(52.919.171.406)	(43.497.338.912)
Cộng		14.201.158.187	8.837.559.967	15.538.460.000	7.120.329.593	15.000.000.000	7.334.898.879	22.619.288.594	16.502.661.088

Ngày 09 tháng 10 năm 2012

Người lập
(Ký, họ tên)

Trần Thị Thương Nguyệt Ánh

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Hoài Ân

Tổng Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Hoàng Quốc Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂM NHÌN

Địa chỉ: Tầng 9, 72 Lê Thánh Tôn, Quận 1, TPHCM

Điện thoại: 08 3914 7027 Fax: 08 3914 7020

(Ban hành theo T.Tư số 95/2008/TT -BTC
ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính)
Sửa đổi theo Thông tư số 162/2010/TT -BTC
ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính Quý III năm 2012 của Công ty cổ phần chứng khoán Tâm Nhìn

I. Đặc điểm hoạt động của công ty

- 1 - Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần
- 2 - Lĩnh vực kinh doanh
 - Môi giới chứng khoán.
 - Lưu ký chứng khoán.
- 3 - Tổng số công nhân viên và người lao động: 20 người

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

- 1 - Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm
- 2 - Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam được sử dụng làm đơn vị tiền tệ ghi sổ kế toán.

III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

1 - Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hệ thống kế toán Việt Nam được Bộ trưởng Bộ Tài Chính ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006; Thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài Chính.

2 - Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong Bản Thuyết Minh Báo Cáo Tài Chính được trình bày theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại Chuẩn mực số 21 - Trình bày Báo cáo Tài Chính

3 - Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán: Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với Đồng Việt Nam (VNĐ) được quy đổi theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân liên Ngân hàng vào ngày kết thúc niên độ kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá đã thực hiện và chưa thực hiện được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

2- Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu ngắn hạn

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán

3- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng nguyên giá tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂM NHÌN

Địa chỉ: Tầng 9, 72 Lê Thánh Tôn, Quận 1, TP HCM

Điện thoại: 08 3914 7027 Fax: 08 3914 7020

(Ban hành theo T.Tư số 95/2008 /TT -BTC
ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính)
Sửa đổi theo Thông tư số 162/2010 /TT -BTC
ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính Quý III năm 2012 của Công ty cổ phần chứng khoán Tâm Nhìn

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá, các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng, sử dụng như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Thời gian hữu dụng ước tính cho các nhóm tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	04 năm
Máy móc thiết bị	03 - 08 năm
Dụng cụ quản lý	03 - 04 năm

4- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm

5- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn tại công ty bao gồm: Chi phí công cụ dụng cụ, chi phí thuê văn phòng và các chi phí khác... liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán cần phải phân bổ.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ 12 tháng trở lên.

6- Khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

7- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hoá, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ gồm những chi phí sau: phí giao dịch, lưu ký chứng khoán; chi phí kiểm toán; tiền lương, ...

8- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả:

Dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau: Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; Và đưa ra một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả: Là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

9 - Nguyên tắc ghi nhận Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Căn cứ vào Điều lệ của Công ty và Quyết định của Hội Đồng Quản Trị.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

10- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

- Doanh thu kinh doanh chứng khoán

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂM NHÌN

Địa chỉ: Tầng 9, 72 Lê Thánh Tôn, Quận 1, TPHCM

Điện thoại: 08 3914 7027 Fax: 08 3914 7020

(Ban hành theo T.Tư số 95/2008/TT -BTC
ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính)
Sửa đổi theo Thông tư số 162/2010/TT -BTC
ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính Quý III năm 2012 của Công ty cổ phần chứng khoán Tâm Nhìn

Doanh thu kinh doanh chứng khoán được ghi nhận khi phát sinh khoản thu cung cấp dịch vụ của các hoạt động dịch vụ chứng khoán (thu phí môi giới chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư, bảo lãnh phát hành chứng khoán, đại lý phát hành chứng khoán, chiết khấu chứng khoán bảo lãnh phát hành, phí tư vấn đầu tư chứng khoán, và các loại phí khác...)

- Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính của doanh nghiệp (đầu tư mua bán chứng khoán, thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, công ty con, đầu tư vốn khác; lãi tỷ giá hối đoái; lãi chuyển nhượng vốn)...

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận chia được ghi nhận khi Cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu

11- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định gồm tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ kế toán.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (hoặc thu hồi được) tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành theo luật thuế TNDN hiện hành được ghi nhận.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản, nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc tài bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét và kết thúc niên độ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại của ghi nhận này.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

12- Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng Cân đối kế toán

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂM NHÌN

Địa chỉ: Tầng 9, 72 Lê Thánh Tôn, Quận 1, TPHCM

Điện thoại: 08 3914 7027 Fax: 08 3914 7020

(Ban hành theo T.Tư số 95/2008 /TT -BTC
ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính)
Sửa đổi theo Thông tư số 162/2010 /TT -BTC
ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH***Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính Quý III năm 2012 của Công ty cổ phần chứng khoán Tâm Nhìn*

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	Cuối kỳ	Đầu năm
01. Tiền và tương đương tiền		
Tiền mặt	8.290.800	30.056.311
Tiền gửi ngân hàng	15.750.381.613	10.219.466.122
- NH TMCP Đầu Tư Phát Triển Việt Nam - CN NKKN	15.608.445.859	4.955.099.027
- NH An Bình - PGD Nguyễn Công Trứ	12.007.750	20.362.383
- NH HSBC	129.928.004	244.004.712
- NH Techcombank		5.000.000.000
<i>Trong đó:</i>		
+ <i>Tiền ký quỹ của nhà đầu tư</i>	7.081.298	11.415.149
- NH TMCP Đầu Tư Phát Triển Việt Nam - CN NKKN	4.434.750	4.285.067
- NH An Bình - PGD Nguyễn Công Trứ	2.646.548	7.130.082
Tiền đang chuyển	-	-
Tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành	-	-
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch CK	-	-
Cộng	15.758.672.413	10.249.522.433

02. Tài sản ngắn hạn khác

a. Chi phí trả trước ngắn hạn	Cuối kỳ	Đầu năm
- Chi phí chờ phân bổ khác (Phí sử dụng dịch vụ Bloomberg, phí Bảo trì BOSCO..)	209.651.847	228.695.036
- Chi phí thuê văn phòng trả trước		1.173.751.566
Cộng	209.651.847	1.402.446.602
b. Tài sản ngắn hạn khác	Cuối kỳ	Đầu năm
- Tạm ứng	3.425.000.000	152.605.798
- Ký quỹ, ký cược	6.000.000	6.000.000
Cộng	3.431.000.000	158.605.798

03. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ

CHỈ TIÊU - 9 tháng	Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ
a) Của công ty chứng khoán		
- Cổ phiếu		
- Trái phiếu		
- Chứng khoán khác		
b) Của nhà đầu tư		
- Cổ phiếu	27.368.139	544.387.215.800
- Trái phiếu		
- Chứng khoán khác	2.000	17.600.000
Tổng cộng	27.370.139	544.404.815.800

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂM NHÌN

Địa chỉ: Tầng 9, 72 Lê Thánh Tôn, Quận 1, TPHCM

Điện thoại: 08 3914 7027 Fax: 08 3914 7020

(Ban hành theo T.Tư số 95/2008 /TT -BTC

ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính)

Sửa đổi theo Thông tư số 162/2010 /TT -BTC

ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính Quý III năm 2012 của Công ty cổ phần chứng khoán Tâm Nhìn***04. Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình					
Số dư ngày 01/01/2012	-	2.341.905.772	-	-	2.341.905.772
- Mua trong kỳ	-	-	-	-	-
- Tặng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư ngày 30/09/2012	-	2.341.905.772	-	-	2.341.905.772
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư ngày 01/01/2012	-	(1.420.712.835)	-	-	(1.420.712.835)
- Khấu hao trong kỳ	-	(246.725.922)	-	-	(246.725.922)
- Tặng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư ngày 30/09/2012	-	(1.667.438.757)	-	-	(1.667.438.757)
Giá trị còn lại của TSCĐ HH					
Số dư ngày 01/01/2012	-	921.192.937	-	-	921.192.937
Số dư ngày 30/09/2012	-	674.467.015	-	-	674.467.015

05. Tình hình tăng, giảm TSCĐ vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình					
Số dư ngày 01/01/2012	-	-	-	967.502.000	967.502.000
- Mua trong kỳ	-	-	-	-	-
- Tặng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư ngày 30/09/2012	-	-	-	967.502.000	967.502.000
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư ngày 01/01/2012	-	-	-	(647.025.997)	(647.025.997)
- Khấu hao trong kỳ	-	-	-	(144.619.629)	(144.619.629)
- Tặng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư ngày 30/09/2012	-	-	-	(791.645.626)	(791.645.626)
Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình					
Số dư ngày 01/01/2012	-	-	-	320.476.003	320.476.003
Số dư ngày 30/09/2012	-	-	-	175.856.374	175.856.374

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂM NHÌN

Địa chỉ: Tầng 9, 72 Lê Thánh Tôn, Quận 1, TPHCM

Điện thoại: 08 3914 7027 Fax: 08 3914 7020

(Ban hành theo T.Tư số 95/2008 /TT -BTC

ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính)

Sửa đổi theo Thông tư số 162/2010 /TT -BTC

ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính Quý III năm 2012 của Công ty cổ phần chứng khoán Tâm Nhìn

		<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu năm</u>		
06. Tài sản dài hạn khác					
- Chi phí trả trước dài hạn					
Chi phí thiết kế, cung cấp vật tư thiết bị VP, phí lắp đặt hệ thống cáp mạng		64.623.246	1.056.821.474		
Cộng		64.623.246	1.056.821.474		
- Tài sản dài hạn khác					
Tiền đặt cọc thuê văn phòng		-	463.500.000		
Cộng		-	463.500.000		
07. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước		Cuối kỳ	Đầu năm		
+ Thuế TNCN nộp thừa trong năm 2010		-	134.297.432		
+ Thuế TNCN phải nộp		110.413.492	55.492.530		
08. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán		Cuối kỳ	Đầu năm		
- Tiền nộp ban đầu		120.000.000	120.000.000		
- Tiền nộp bổ sung		72.489.980	72.489.980		
- Tiền lãi phân bổ trong năm		43.891.020	43.891.020		
Cộng		236.381.000	236.381.000		
09. Các khoản phải thu ngắn hạn					
CHỈ TIÊU- 9 Tháng	Số đầu năm	Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	Số dự phòng đã lập
		Tăng	Giảm		
1. Phải thu của khách hàng	-			-	-
2. Trả trước cho người bán	41.679.494	990.000		42.669.494	-
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn					-
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		884.958.506	884.958.506	-	-
- Phải thu của Sở (Trung tâm) GDCK	-	-	-	-	-
- Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán		884.958.506	884.958.506	-	-
- Phải thu tổ chức phát hành (bảo lãnh phát hành) chứng khoán	-	-	-	-	-
- Phải thu Trung tâm lưu ký chứng khoán	-	-	-	-	-
- Phải thu thành viên khác	-	-	-	-	-
5. Các khoản phải thu khác	-	2.818.376.775	472.832.566	2.345.544.209	-
Tổng cộng:	41.679.494	3.704.325.281	1.357.791.072	2.388.213.703	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂM NHÌN

Địa chỉ: Tầng 9, 72 Lê Thánh Tôn, Quận 1, TPHCM

Điện thoại: 08 3914 7027 Fax: 08 3914 7020

(Ban hành theo T.Tư số 95/2008 /TT -BTC
ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính)
Sửa đổi theo Thông tư số 162/2010 /TT -BTC
ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH***Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính Quý III năm 2012 của Công ty cổ phần chứng khoán Tâm Nhìn***10. Chi phí phải trả:**

- Phí giao dịch, lưu ký phải trả TTGD và TTLK
- Phải trả phí kiểm toán
- Ước lượng T13 cho nhân viên
- Phải trả phí gửi xe Quý 3/2012
Cộng

Cuối kỳ	Đầu năm
2.590.144	73.100.331
59.499.996	61.636.364
335.199.000	335.199.000
3.850.000	10.815.000
65.940.140	480.750.695

11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác:

- Bảo hiểm xã hội
- Thuế TNDN của tổ chức nước ngoài - phải trả
- Thuế TNCK của khách hàng trong nước - phải trả
- Phải trả, Phải nộp khác
Cộng

Cuối kỳ	Đầu năm
98.954.819	21.810.047
17.963.722	122.268.738
18.250	36.717
690.331	-
117.627.122	144.115.502

12. Các khoản phải trả cho hoạt động giao dịch chứng khoán:

- Phải trả sở GDCK
- Phải trả Quỹ hỗ trợ thanh toán của các thành viên khác
- Phải trả về chứng khoán giao, nhận đại lý phát hành
- Phải trả Trung tâm lưu ký chứng khoán
- Phải trả tổ chức, cá nhân khác

Cuối kỳ	Đầu năm
-	85.389
-	85.389

13. Vốn chủ sở hữu

a). Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu: xem trang 11

b). Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Tâm Nhìn
Citigroup Financial Products Inc.
Ông Hoàng Quốc Hùng
Ông Đoàn Mạnh Khâm
Tổng cộng

Cuối kỳ	
Tỷ lệ	Vốn góp
70.77%	53.460.000.000
9.90%	7.478.460.000
0.16%	120.000.000
19.17%	14.480.000.000
100.00%	75.538.460.000

c). Các giao dịch về vốn với các CSH và phân phối cổ tức, lợi nhuận

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn góp đầu năm

Vốn góp tăng trong năm

Vốn góp giảm trong năm

Vốn góp cuối năm

Cổ tức, lợi nhuận đã chia

Cuối kỳ	Đầu năm
60.000.000.000	45.000.000.000
15.538.460.000	15.000.000.000
-	-
75.538.460.000	60.000.000.000
-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂM NHÌN

Địa chỉ: Tầng 9, 72 Lê Thánh Tôn, Quận 1, TPHCM

Điện thoại: 08 3914 7027 Fax: 08 3914 7020

(Ban hành theo T.Tư số 95/2008 /TT -BTC
ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính)
Sửa đổi theo Thông tư số 162/2010 /TT -BTC
ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính Quý III năm 2012 của Công ty cổ phần chứng khoán Tâm Nhìn

d). Cổ phiếu

	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	7.553.846	6.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.553.846	6.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	7.553.846	6.000.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000VND		

VI. Những thông tin khác

1- Thông tin về các bên liên quan:

Giao dịch với các bên liên quan trong kỳ gồm: không có



Ngày 09 tháng 10 năm 2012

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



TRẦN THỊ SƯƠNG NGUYỆT ÁNH

NGUYỄN THỊ HOÀI ÂN

HOÀNG QUỐC HÙNG